

Huyện GL, ngày 18 tháng 05 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định cha cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Như Trọng.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 148/2023/TLST-VDS ngày 21 tháng 04 năm 2023, về việc: Yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn Triệu N, sinh năm 1985;

CMTND/Căn cước công dân số 001085029470; ngày cấp 25/04/2021;
nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1987;

CMTND/Căn cước công dân số 030187000872; ngày cấp 25/04/2021;
nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1975;

CMTND/Căn cước công dân số 036075003445; ngày cấp 29/05/2021;
nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

ĐKHKT: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn Y1, xã Y2, huyện GL, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 30/03/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Nguyễn Văn Triệu N trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị Bích H có quan hệ tình cảm từ đầu năm 2020, trong quãng thời gian chị H đang sống ly thân và làm thủ tục ly hôn với anh Trần Văn Triệu N. Trước khi có quan hệ tình cảm với chị H, tôi đã từng có vợ là chị Vũ Thị N và đã ly hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chị H và anh T ly hôn vào tháng 08/2020, tôi và chị H có đăng ký kết hôn số 17/2020, ngày 03/09/2020 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội và về chung sống cùng nhau tại Thôn T, xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội. Ngày 08/12/2020, chị H sinh bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N theo Giấy chứng sinh số 55, quyển số 53/2020 ngày 08/12/2020 của Bệnh viện đa khoa Đ.

Ngày 28/03/2023, tôi và chị H đã đưa cháu Nguyễn Phương N đi xét nghiệm ADN với tôi tại Viện Pháp y Quốc gia. Theo Kết quả xét nghiệm ADN số 61/23/ADN/HT ngày 29/03/2023 của Viện Pháp y Quốc gia kết luận tôi có quan hệ huyết thống bố con với cháu bé có tên dự kiến Nguyễn Phương N, độ tin cậy 99,9999%. Hiện nay cháu Nguyễn Phương N đang sống cùng tôi và chị H tại Thôn T, xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Tôi xác định bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N là con chung của tôi và chị H, đề nghị Tòa án xác định tôi là cha đẻ của bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N.

Ngoài ra anh Nguyễn Văn Triệu N không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 21/04/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Năm 2008, tôi có đăng ký kết hôn hợp pháp với anh Trần Văn T. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tôi và anh T sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý từ đầu năm 2020. Ngày 27/08/2020, tôi ly hôn với anh Trần Văn T theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/08/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

Từ đầu năm 2020, tôi và anh Nguyễn Văn Triệu N có quan hệ tình cảm, yêu đương, quan hệ sinh lý như vợ chồng với nhau. Sau khi ly hôn với anh T, tôi và anh N có đăng ký kết hôn số 17/2020, ngày 03/09/2020 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội và về chung sống cùng với anh N tại Thôn T, xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội. Ngày 08/12/2020, tôi sinh bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N theo Giấy chứng sinh số 55, quyển số 53/2020 ngày 08/12/2020 của Bệnh viện đa khoa Đ.

Ngày 28/03/2023, tôi và anh N đã đưa cháu Nguyễn Phương N đi xét nghiệm ADN với anh N tại Viện Pháp y Quốc gia. Theo Kết quả xét nghiệm ADN số 61/23/ADN/HT ngày 29/03/2023 của Viện Pháp y Quốc gia kết luận: Anh Nguyễn Văn Triệu N có quan hệ huyết thống bố con với cháu bé có tên dự kiến Nguyễn Phương N, độ tin cậy 99,9999%. Hiện nay cháu Nguyễn Phương N đang sống cùng tôi và anh N tại Thôn T, xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Nay anh N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện GL xác định bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/2020 là con đẻ của tôi và anh N, tôi xác nhận cháu Nguyễn Phương N là con chung của tôi và anh N.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị Bích H không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 08/05/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T trình bày:

Năm 2008, tôi có đăng ký kết hôn hợp pháp với chị Nguyễn Thị Bích H. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tôi và chị H đã sống ly thân với nhau một thời gian dài trước khi ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/08/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã công nhận thuận tình ly hôn giữa tôi và chị H; giao con chung là cháu Trần Văn B và Trần Văn A cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay tôi mới biết sau khi ly hôn vào tháng 12/2020 chị H sinh bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N. Tôi khẳng định bé gái có tên gọi nêu trên không phải là con chung của tôi và chị H. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xác nhận con của anh N theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên họp sơ thẩm:

Người yêu cầu giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên họp. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết việc dân sự và tại phiên họp sơ thẩm, cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung việc dân sự: Căn cứ kết quả xét nghiệm ADN, đề nghị Tòa án nhân dân huyện GL chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Triệu N, xác định bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N theo Giấy chứng sinh số 55, quyển số 53/2020 ngày 08/12/2020 của Bệnh viện đa khoa Đ do chị H sinh ra không phải là con của anh Trần Văn T; xác định bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N theo Giấy chứng sinh số 55, quyển số 53/2020 ngày 08/12/2020 của Bệnh viện đa khoa Đ do chị H sinh ra là con chung của anh Nguyễn Văn Triệu N và chị Nguyễn Thị Bích H.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn Triệu N được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện GL nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Anh Nguyễn Văn Triệu N yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định anh là cha của bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N đây là việc hôn nhân và gia đình. Hiện anh N có địa chỉ cư trú tại xã D, huyện GL, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại vào khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 39, Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội có thẩm quyền giải quyết việc dân sự.

[1.2] *Về chứng cứ:*

Kết quả xét nghiệm ADN số 61/23/ADN/HT ngày 29/03/2023 của Viện Pháp y Quốc gia do anh Nguyễn Văn Triệu N cung cấp đã được Tòa án nhân dân huyện GL xác minh và được Viện Pháp y Quốc gia xác nhận nên được xác định là chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng của đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm và Giấy báo tham gia phiên họp nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, mở phiên họp vắng mặt nên áp dụng khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện GL vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về nội dung việc dân sự và yêu cầu của anh Nguyễn Văn Triệu N.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân của các đương sự: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/08/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích H. Ngày 08/12/2020, chị Nguyễn Thị Bích H đã sinh 01 bé gái với tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N theo Giấy chứng sinh số 55, quyển số 53/2020 ngày 08/12/2020 của Bệnh viện đa khoa Đ. Như vậy, bé gái với tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm anh T và chị H ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì cháu bé này là con trong thời kỳ hôn nhân của chị anh T và chị H.

[2.2] Về yêu cầu xác định cha cho con của anh N:

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích H cùng xác định đã chấm dứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từ đầu năm 2020. Anh T xác định bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N không phải là con đẻ của anh. Anh Nguyễn Văn Triệu N và chị Nguyễn Thị Bích H cùng xác định có quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từ năm 2020 và có con chung là bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N.

Theo Kết quả xét nghiệm ADN số 61/23/ADN/HT ngày 29/03/2023 của Viện Pháp y Quốc gia kết luận: Anh Nguyễn Văn Triệu N có quan hệ huyết thống bố con với cháu bé có tên dự kiến Nguyễn Phương N, độ tin cậy 99,9999%.

Như vậy, lời khai của các bên đương sự thống nhất với nhau và phù hợp với kết luận giám định của Viện Pháp y Quốc gia. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N là con đẻ của anh Nguyễn Văn Triệu N.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Tòa án nhân dân huyện GL nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn Triệu N yêu cầu xác định cha cho con nên được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12; Điều 14 và khoản 5 Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả anh N tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 39; Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 88; khoản 1 Điều 89; khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12; Điều 14 và khoản 5 Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu về việc xác định cha cho con của anh Nguyễn Văn Triệu N.

1.1 Xác nhận bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/2020 theo Giấy chứng sinh số 55, quyền số 53/2020 ngày 08/12/2020 của Bệnh viện đa khoa Đ không phải là con đẻ của anh Trần Văn T.

1.2 Xác nhận bé gái có tên gọi dự kiến là Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/12/2020 theo Giấy chứng sinh số 55, quyền số 53/2020 ngày 08/12/2020 của Bệnh viện đa khoa Đ là con đẻ của anh Nguyễn Văn Triệu N và chị Nguyễn Thị Bích H.

Anh Nguyễn Văn Triệu N và chị Nguyễn Thị Bích H có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch; các bên trong quan hệ xác định cha, mẹ, con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn Triệu N được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn Triệu N 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí sơ

thẩm giải quyết việc dân sự đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2020/0073917 ngày 20/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GL.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Anh Nguyễn Văn Triệu N có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định này được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện GL có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự này trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- VKSND huyện GL;
- Chi cục THADS huyện GL;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Như Trọng